

## PHỤ LỤC I

**MẪU ĐƠN XIN PHÊ CHUẨN SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT ĐƠN VỊ**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 135/2012/TT-BTC ngày 15/8/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn triển khai sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị)

**Tên doanh nghiệp bảo hiểm    CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

....., ngày... tháng... năm...

**Kính gửi: Cục quản lý giám sát bảo hiểm, Bộ Tài chính**

**V/v đề nghị phê chuẩn sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị (tên sản phẩm)**

- Căn cứ Luật kinh doanh bảo hiểm số 24/2000/QH10 ngày 9/12/2000 và Luật sửa đổi, bổ sung Luật kinh doanh bảo hiểm số 61/2010/QH12 ngày 24/11/2010;

- Căn cứ Nghị định số 45/2007/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 27/3/2007 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm;

- Căn cứ Thông tư số 135/2012/TT-BTC ngày 15/8/2012 của Bộ Tài chính ban hành Quy chế triển khai sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị;

- Căn cứ Giấy phép thành lập và hoạt động số...

(Tên doanh nghiệp) đề nghị Bộ Tài chính phê chuẩn sản phẩm mới theo hồ sơ gửi kèm theo đây:

### **1. Tên sản phẩm và nghiệp vụ bảo hiểm:**

Stt	Tên sản phẩm	Nghiệp vụ bảo hiểm	Tên thương mại
1	Sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị..	Bảo hiểm liên kết đầu tư	....
2	Sản phẩm bổ trợ....	...	...

### **2. Các tài liệu trình kèm đơn đề nghị phê chuẩn sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị gồm:**

- Phương án triển khai sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị;
- Cam kết bằng văn bản về việc đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 4 Thông tư 135/2012/TT-BTC;
- Quy tắc, điều khoản sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị dự kiến triển khai;

- d. Biểu phí sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị dự kiến triển khai;
- e. Cơ sở kỹ thuật của sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị dự kiến triển khai;
- g. Tài liệu giới thiệu sản phẩm;
- h. Tài liệu minh họa bán hàng;
- i. Mẫu Giấy yêu cầu bảo hiểm;
- k. Mẫu Giấy chứng nhận bảo hiểm;
- l. Các loại giấy tờ khác mà khách hàng phải kê khai và ký vào khi mua bảo hiểm;
- m. Văn bằng, chứng chỉ chứng minh trình độ, năng lực, kinh nghiệm chuyên môn của các thành viên Hội đồng đầu tư;
- n. Văn bằng, chứng chỉ chứng minh trình độ, năng lực của người đứng đầu bộ phận triển khai sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị.

(Tên doanh nghiệp) xin chịu trách nhiệm về sự chính xác, phù hợp với pháp luật của hồ sơ xin phê chuẩn sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị... nêu trên.

**Chuyên gia tính toán**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Người đại diện trước pháp luật của  
doanh nghiệp bảo hiểm**  
(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ  
họ tên)

## PHỤ LỤC II TÀI LIỆU MINH HOẠ BÁN HÀNG

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 135/2012/TT-BTC ngày 15/8/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn triển khai sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị)*

### I. THÔNG TIN CƠ BẢN

#### 1. Thông tin về doanh nghiệp bảo hiểm:

- |                        |                    |
|------------------------|--------------------|
| - Tên doanh nghiệp:    | - Số giấy phép:    |
| - Lĩnh vực kinh doanh: | - Vốn điều lệ:     |
| - Trụ sở chính:        | - Địa chỉ liên hệ: |
- (địa chỉ, số điện thoại, số fax...)  
Trung tâm dịch vụ khách hàng (địa chỉ, số điện thoại, số fax)

#### 2. Thông tin về bên mua bảo hiểm, người được bảo hiểm

##### 2.1 Bên mua bảo hiểm:

- |                     |                    |
|---------------------|--------------------|
| - Họ và tên:        | - Tuổi:            |
| - Giới tính:        | - Nghề nghiệp:     |
| - Số CMND/Hộ chiếu: | - Địa chỉ liên hệ: |

##### 2.2 Người được bảo hiểm:

- |                                     |                    |
|-------------------------------------|--------------------|
| - Họ và tên:                        | - Tuổi:            |
| - Giới tính:                        | - Nghề nghiệp:     |
| - Số CMND/Hộ chiếu:                 | - Địa chỉ liên hệ: |
| - Mối quan hệ với bên mua bảo hiểm: |                    |

#### 3. Thông tin về đại lý bảo hiểm:

- |                    |                        |
|--------------------|------------------------|
| - Họ và tên:       | - Mã số đại lý:        |
| - Địa chỉ liên hệ: | - Văn phòng hoạt động: |

#### 4. Thông tin về sản phẩm bảo hiểm, sản phẩm bổ trợ (nếu có)

- Tên sản phẩm chính:
- Tên sản phẩm bổ trợ (nếu có):
- Thời hạn bảo hiểm:
- Quyền lợi bảo hiểm rủi ro:
  - + Quyền lợi bảo hiểm sản phẩm chính:
  - + Quyền lợi bảo hiểm sản phẩm bổ trợ (nếu có):

- Phí bảo hiểm:
- + Sản phẩm chính: Phí bảo hiểm tối thiểu:
- + Sản phẩm bổ trợ:
- + Phí đóng thêm:
- Phương thức nộp phí bảo hiểm:
- Định kỳ đóng phí bảo hiểm:
- Tỷ lệ lựa chọn các quỹ: ...% Quỹ cổ phiếu
  - ...% Quỹ trái phiếu
  - ...% Quỹ tiền tệ
  - ...% Quỹ tăng trưởng
  - ...% Quỹ ổn định/ cân bằng
  - ...% Quỹ mạo hiểm

## **II. THÔNG TIN CHI TIẾT**

### **1. Các quyền lợi bảo hiểm:**

Các quyền lợi cơ bản được giải thích cho bên mua bảo hiểm tối thiểu phải tách bạch giữa quyền lợi được bảo đảm và quyền lợi không được bảo đảm (đồng thời phải khẳng định rõ giá của các đơn vị quỹ liên kết đơn vị có thể tăng hoặc giảm), cụ thể như sau:

#### **1.1. Quyền lợi bảo hiểm rủi ro: QUYỀN LỢI ĐƯỢC BẢO ĐẢM**

- Quyền lợi bảo hiểm tử vong: là số tiền doanh nghiệp bảo hiểm trả cho người thụ hưởng trong trường hợp tử vong của người được bảo hiểm.
- Các quyền lợi bảo hiểm rủi ro khác (nếu có):
- Quyền lợi của các sản phẩm bảo hiểm bổ trợ (nếu có):

#### **1.2. Quyền lợi đầu tư : QUYỀN LỢI KHÔNG ĐƯỢC BẢO ĐẢM**

- Quyền lựa chọn quỹ liên kết đơn vị: liệt kê các loại quỹ liên kết đơn vị hiện có của doanh nghiệp bảo hiểm với các nội dung sau:

- + Tên quỹ liên kết đơn vị;
- + Tính chất rủi ro của từng quỹ liên kết đơn vị tương ứng;
- + Mục tiêu và các chiến lược đầu tư của quỹ liên kết đơn vị;
- + Phương thức định giá đơn vị quỹ liên kết đơn vị: cơ sở và định kỳ định giá;
- + Các trường hợp ngoại lệ doanh nghiệp bảo hiểm có thể áp dụng các biện pháp theo quy định tại khoản 7 Điều 13 Thông tư triển khai sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị.

- Quyền quyết định tỷ lệ đầu tư vào từng quỹ liên kết đơn vị;

- Quyền chuyển đổi giữa các quỹ liên kết đơn vị;
- Quyền đóng thêm phí bảo hiểm để đầu tư bổ sung hoặc tạm dừng đóng phí.

(Doanh nghiệp bảo hiểm cần làm rõ việc khách hàng chịu mọi rủi ro đầu tư và được hưởng toàn bộ kết quả đầu tư. Các quy định này phải được in đậm, chữ hoa với phông chữ Time New Roman, cỡ chữ tối thiểu bằng 14 hoặc phông chữ khác với cỡ chữ tương đương, có cỡ chữ lớn hơn các phần khác tại tài liệu minh họa bán hàng và được in ở tất cả các trang trong minh họa bán hàng).

### 1.3. Các quyền lợi khác (nếu có)

#### 2. Cơ chế phân bổ phí bảo hiểm:

- Doanh nghiệp bảo hiểm phải minh họa rõ tỷ lệ phí bảo hiểm được phân bổ cho quyền lợi bảo hiểm rủi ro và quyền lợi từ quỹ liên kết đơn vị (chi tiết cho từng quỹ liên kết đơn vị).

- Doanh nghiệp bảo hiểm phải minh họa rõ các khoản phí được quy định tại Thông tư này và các hạn mức tối đa sẽ áp dụng, ví dụ như:

- + Phí ban đầu;
- + Phí bảo hiểm rủi ro;
- + Phí quản lý hợp đồng bảo hiểm;
- + Phí quản lý quỹ;
- + Phí chuyển đổi quỹ liên kết đơn vị;
- + Phí hủy bỏ hợp đồng bảo hiểm.

#### 3. Tỷ suất đầu tư dự kiến

3.1. Doanh nghiệp bảo hiểm được sử dụng 3 tỷ suất đầu tư ròng sau khi đã trừ đi tất cả các khoản chi phí là X%, Y%, Z% (trong đó X% là tỷ suất đầu tư tối thiểu, Y% là tỷ suất đầu tư trung bình, và Z% là tỷ suất đầu tư tối đa) để thể hiện phạm vi dao động thu nhập của các quỹ liên kết đơn vị được tính theo mức bình quân gia quyền của các tỷ suất đầu tư minh họa theo loại tài sản dưới đây:

Tỷ suất đầu tư minh họa theo loại tài sản	Tối thiểu	Trung bình	Tối đa
Cổ phiếu	0 -2%	6%	9%
Trái phiếu	6%	7%	8%
Tài sản khác	3%	5%	7%
Tỷ suất đầu tư bình quân gia quyền của Quỹ	X%	Y%	Z%

Các tỷ suất đầu tư minh họa không được chênh lệch nhau quá 3%

- Các tỷ suất đầu tư thực tế của mỗi quỹ liên kết đơn vị sẽ được in tại tài liệu minh họa bán hàng trên cơ sở hàng năm. Các tỷ suất đầu tư sẽ được tính dựa trên giá đơn vị quỹ của quỹ liên kết đơn vị và công thức sẽ được tính tương tự

như công thức tính các chỉ số chuẩn tắc. Ví dụ, công thức để tính tỷ suất đầu tư thực tế năm  $200x$   $r_{200x}$  cụ thể như sau:

		$UP_{31/12/200x} - UP_{31/12/200x-1}$		
$R_{200x}$	=	<span style="font-size: 2em;">}</span> -----	x	100%
		$UP_{31/12/200x-1}$		

Trong đó:

“ $UP_{31/12/200x}$ ” là giá bán đơn vị quỹ của quỹ tại thời điểm 31/12/200x

- Các tỷ suất đầu tư thực tế trên cơ sở lãi ròng được tính cho 5 năm trước. Nếu thời gian tồn tại của quỹ liên kết đơn vị ngắn hơn 5 năm thì tỷ suất đầu tư được tính trong giai đoạn tồn tại của quỹ;

- Doanh nghiệp bảo hiểm phải minh họa việc liệt kê các tỷ suất đầu tư không tính đến chênh lệch giữa giá bán và giá mua hoặc các khoản phí khác có thể được áp dụng;

3.2 Doanh nghiệp bảo hiểm phải khẳng định rõ:

- Giá của các đơn vị quỹ liên kết đơn vị **có thể tăng hoặc giảm;**
- Giá trị của quỹ liên kết đơn vị có thể thấp hơn số phí bảo hiểm đã đóng và phụ thuộc vào kết quả của các khoản đầu tư được liên kết trừ trường hợp doanh nghiệp cam kết hoàn trả phí bảo hiểm phân bổ cho đầu tư;
- Kết quả hoạt động của quỹ liên kết đơn vị có thể cho kết quả âm và **KHÔNG ĐƯỢC BẢO ĐẢM.**

### III. MINH HỌA THỰC TẾ VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM VÀ CÁC QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Năm hợp đồng	Tổng phí bảo hiểm đóng	Các khoản phí liên quan đến HĐ	Phí bảo hiểm rủi ro		Phí phân bổ vào các quỹ liên kết đơn vị			Quyền lợi bảo đảm		QUYỀN LỢI KHÔNG BẢO ĐẢM (chi tiết theo từng quỹ liên kết đơn vị)		
			Quyền lợi từ vong	Sản phẩm hỗ trợ	Quỹ A	Quỹ B	Quỹ ...	Quyền lợi từ vong	Quyền lợi bổ trợ	Giá trị quỹ liên kết đơn vị với tỷ suất đầu tư dự kiến (X%/năm)	Giá trị quỹ liên kết đơn vị với tỷ suất đầu tư dự kiến (Y%/năm)	Giá trị quỹ liên kết đơn vị với tỷ suất đầu tư dự kiến (Z%/năm)
1												
2												
3												
4												
5												
6												
7												
8												
9												
10												
...												

#### GHI CHÚ:

- Thông tin dưới đây là một phần của Tài liệu minh họa bán hàng
- Điều quan trọng là khách hàng phải đánh giá tất cả các quyền lợi theo hợp đồng của mình, hiểu rõ cách phân bổ phí bảo hiểm, các khoản phí khấu trừ hàng tháng và ảnh hưởng của các khoản phí này đối với các quyền lợi của khách hàng.
- Minh họa bán hàng bao gồm phụ lục mô tả sự thay đổi giá trị tài khoản hợp đồng của khách hàng qua các năm.
- Khách hàng cần chắc chắn rằng hợp đồng bảo hiểm này đáp ứng được các nhu cầu và khả năng tài chính của mình. Nếu khách hàng muốn được cung cấp thêm thông tin hoặc làm rõ thêm về sản phẩm, xin hãy liên hệ với chúng tôi hoặc đại lý của chúng tôi.

### Phí bảo hiểm đóng

- Đây là số tiền mà khách hàng (chủ hợp đồng) đóng hàng năm cho hợp đồng này

### Phí bảo hiểm được phân bổ

- Phần này thể hiện tỷ lệ phí bảo hiểm được sử dụng để đầu tư/mua các đơn vị quỹ liên kết đơn vị và các chi phí của doanh nghiệp bảo hiểm bao gồm cả hoa hồng trả cho đại lý đối với các quỹ liên kết đơn vị.
- Tỷ lệ phân bổ đối với hợp đồng bảo hiểm liên kết đơn vị cụ thể như sau (tính theo % phí bảo hiểm). (Doanh nghiệp bảo hiểm phải thuyết minh rõ từng khoản phí và giá trị tài khoản của hợp đồng trong 10 năm đầu của hợp đồng bảo hiểm).

<b>(1)</b>		1	2	3	_____→
<b>Năm hợp đồng</b>					
<b>(2)</b>		a	b	c	_____→
<b>Phí bảo hiểm đóng vào</b>					
<b>Phí bảo hiểm được phân bổ</b>	<b>%</b>				_____→
	<b>Số tiền</b>				_____→

- Phí bảo hiểm được phân bổ được sử dụng để mua các đơn vị quỹ.
- Phần phí bảo hiểm không được phân bổ vào các đơn vị quỹ (đó là phí bảo hiểm trừ đi phí bảo hiểm được phân bổ) được sử dụng để trả hoa hồng cho đại lý và bù đắp các chi phí thiết lập hệ thống triển khai sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị.
- Mua một hợp đồng bảo hiểm nhân thọ đóng phí hàng năm là một cam kết dài hạn. Không nên duy trì hợp đồng chỉ trong thời gian ngắn hạn vì các khoản chi phí ban đầu rất cao.

### Số tiền bảo hiểm tối thiểu

- Là số tiền tối thiểu doanh nghiệp bảo hiểm trả trong trường hợp người được bảo hiểm tử vong hoặc thương tật toàn bộ vĩnh viễn.



### Tỷ suất đầu tư dự kiến

- Các tỷ suất X%, Y%, Z% được sử dụng tương ứng thể hiện phạm vi giao động thu nhập của Quỹ 1, 2, ... k.
- Kết quả hoạt động của các quỹ liên kết đơn vị trong quá khứ dùng để tham khảo và không phải là cơ sở để đảm bảo chắc chắn về kết quả hoạt động của các quỹ liên kết đơn vị trong tương lai.
- Giá của các đơn vị quỹ liên kết đơn vị **có thể tăng hoặc giảm**. Kết quả hoạt động của quỹ liên kết đơn vị **KHÔNG ĐƯỢC BẢO ĐẢM**.
- Giá trị của quỹ có thể thấp hơn số phí bảo hiểm đã đóng và phụ thuộc vào kết quả của các khoản đầu tư vào quỹ liên kết đơn vị.
- Dưới đây là các tỷ suất đầu tư hàng năm thực tế trong quá khứ của các quỹ so sánh với các chỉ số đầu tư được lựa chọn.

Tỷ suất đầu tư thực tế hàng năm của các quỹ

Năm	Quỹ 1	Quỹ 2
20xx		
20xx-1		
20xx-2		
20xx-3		
20xx-4		

Các chỉ số đầu tư

Năm	Quỹ 1	Quỹ 2
	VN index	...
20xx		
20xx-1		
20xx-2		
20xx-3		
20xx-4		

### Các khoản phí

- Phí bảo hiểm rủi ro và các khoản phí khác được minh họa ở mức hiện hành. Các khoản phí này không được bảo đảm và có thể thay đổi tùy theo từng thời điểm. Doanh nghiệp bảo hiểm sẽ thông báo cho khách hàng ít nhất 90 ngày trước khi áp dụng.
- **Phí bảo hiểm rủi ro** được khấu trừ hàng tháng từ giá trị của các đơn vị quỹ của khách hàng. Phí bảo hiểm rủi ro biến động theo độ tuổi, giới tính, nghề nghiệp, hoặc tình trạng khác (Doanh nghiệp bảo hiểm liệt kê các tình trạng phân biệt phí bảo hiểm rủi ro).
- **Các khoản phí khác** bao gồm phí hợp đồng và các khoản phí hàng năm khác.
- [Mức tối đa của các khoản phí là...]

### **Giá trị hoàn lại**

- Giá trị hoàn lại của một hợp đồng bảo hiểm liên kết đơn vị được xác định dựa trên giá mua đơn vị quỹ liên kết đơn vị vào ngày định giá kế tiếp ngay sau ngày huỷ bỏ hợp đồng bảo hiểm trừ đi phí huỷ bỏ hợp đồng bảo hiểm
- Nếu hợp đồng bị chấm dứt sớm, khách hàng có thể nhận được số tiền ít hơn số phí đã đóng.

### **Quyền lợi tử vong**

- Đây là số tiền sẽ trả khi khách hàng tử vong.
- [các điều khoản loại trừ quyền lợi]

### **Miêu tả các quỹ**

- Miêu tả về các khoản đầu tư được liên kết của mỗi quỹ như sau:
  - Quỹ 1
  - Quỹ 2
  - (v.v.)
- Việc lựa chọn quỹ sẽ trên cơ sở chấp nhận rủi ro của khách hàng.

### **Các quyền lợi bổ trợ**

- Nếu các sản phẩm bổ trợ được minh họa cùng với hợp đồng chính, cần phải làm rõ chi phí và quyền lợi của sản phẩm bổ trợ và hợp đồng chính để thể hiện tác động của việc mua thêm các sản phẩm bổ trợ từ giá trị tài khoản hoặc phí bảo hiểm đóng thêm .

**PHỤ LỤC III**  
**TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 135/2012/TT-BTC ngày 15/8/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn triển khai sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị)*

**Doanh nghiệp bảo hiểm**

**Năm (Quý) báo cáo:**

**I. PHÍ BẢO HIỂM VÀ TÌNH HÌNH THAY ĐỔI ĐƠN VỊ QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ TRONG NĂM**

**A. Tổng số phí bảo hiểm nộp trong năm:**

- Phí cơ bản:
- Phí đóng thêm:

**B. Phí ban đầu khấu trừ trước khi đầu tư vào các quỹ liên kết đơn vị**  
(chi tiết theo từng năm hợp đồng: năm thứ nhất, thứ hai...)

**C. Tổng số phí bảo hiểm đầu tư vào các quỹ liên kết đơn vị: (A-B)**

Tên quỹ	Số dư đầu kỳ				Tăng/giảm trong kỳ				Số dư cuối kỳ			
	Số tiền	Số đơn vị quỹ	Giá bán	Giá mua	Số tiền	Số đơn vị quỹ	Giá bán	Giá mua	Số tiền	Số đơn vị quỹ	Giá bán	Giá mua
Quỹ A												
Quỹ B												
Quỹ C												
.....												

**II. TÌNH HÌNH TÀI SẢN CỦA CÁC QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ**

Tài sản	Quỹ A	Quỹ B	Quỹ C	Ghi chú
- Tiền				
- Danh mục các khoản đầu tư (liệt kê chi tiết)				
- Các tài sản khác (chi tiết theo từng loại tài sản)				
<b>Tổng tài sản</b>				

**III. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ CỦA CÁC QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ**

Nội dung	Quỹ A	Quỹ B	Quỹ C	Ghi chú
Thu nhập/Doanh thu				
- Phí bảo hiểm đầu tư vào các quỹ (tương ứng với mục C Phần I)				
- Thu nhập từ hoạt động đầu tư (chi tiết theo danh mục các khoản đầu tư, tương ứng với danh mục các khoản đầu tư tại Phần II)				
- Thu khác				

Tổng thu nhập/Tổng doanh thu				
Chi phí: Chi tiết chi phí theo danh mục phù hợp với quy định, cụ thể: - Phí bảo hiểm rủi ro: - Phí quản lý hợp đồng: - Phí chuyển đổi quỹ: - Phí huỷ bỏ hợp đồng: - Chi phí hoạt động đầu tư: đây là khoản phí ngân hàng, các loại phí trả cho bên thứ 3)				
Tổng chi phí				
Chênh lệch giữa thu nhập và chi phí				
Thu nhập chưa phân chia chuyển từ kỳ trước sang				
Thu nhập phân chia - Cho chủ hợp đồng: - Cho Chủ sở hữu (tối đa bằng với tỷ lệ phí quản lý quỹ đã được phê chuẩn): - Cho chủ sở hữu (tương ứng với thu nhập từ quỹ môi):				
Thu nhập chưa phân chia chuyển sang năm sau				

**Ghi chú:**

- Số dư cuối kỳ tại bảng I thống nhất với số liệu tổng tài sản của từng quỹ;
- Tăng giảm trong kỳ tại bảng I thống nhất với số chênh lệch giữa thu nhập và chi phí và khoản thu nhập phân chia trong năm

**PHỤ LỤC IV**  
**BÁO CÁO KẾT QUẢ TRIỂN KHAI SẢN PHẨM**  
**BẢO HIỂM LIÊN KẾT ĐƠN VỊ**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 135/2012/TT-BTC ngày 15/8/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn triển khai sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị)*

**Doanh nghiệp bảo hiểm:**  
**Kỳ báo cáo: Tháng.... Năm...**

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm hiện tại		
		Tháng 1	...	Lũy kế
<b>I. Hợp đồng khai thác mới</b>				
1. Số lượng hợp đồng				
2. Số tiền bảo hiểm	Triệu đ			
3. Phí bảo hiểm	Triệu đ			
4. Phí BH khai thác mới quy năm	Triệu đ			
5. Phí BH KTM quy năm bình quân 1 hợp đồng	Triệu đ			
6. Phí BH KTM bình quân 1 hợp đồng	Triệu đ			
<b>II. Số lượng HĐ huỷ bỏ/chấm dứt hiệu lực</b>				
1. Số lượng hợp đồng huỷ bỏ trong thời gian cân nhắc				
2. Số lượng hợp đồng huỷ bỏ/chấm dứt hiệu lực sau thời gian cân nhắc				
2.1. Do không nộp phí bảo hiểm				
2.2. Do phát sinh sự kiện bảo hiểm				
2.3. Do khách hàng có đơn chấm dứt hiệu lực hợp đồng				
2.4. Do các nguyên nhân khác				
<b>III. Hợp đồng khôi phục hiệu lực</b>				
<b>IV. Phí đầu tư thêm:</b>				
1. Số hợp đồng có đầu tư thêm				
2. Phí đầu tư thêm	triệu đ			
3. Phí đầu tư thêm/Phí BH	%			
<b>V. Hợp đồng hiệu lực cuối kỳ</b>				
1. Số lượng hợp đồng				
2. Phí bảo hiểm	Triệu đ			
<b>V. Phí đầu tư thêm:</b>				
1. Số hợp đồng có đầu tư thêm				
2. Phí đầu tư thêm	triệu đ			
3. Phí đầu tư thêm/Phí BH	%			
<b>VI. Đại lý</b>				
1. Số đại lý được đào tạo bán sản phẩm LKĐV				
2. Số đại lý được cấp chứng chỉ bán sản phẩm LKĐV				
3. Số đại lý đang hoạt động (bán sản				

phẩm LKĐV) đầu kỳ 4. Số đại lý bán LKĐV nghỉ việc trong kỳ 5. Số đại lý được phép bán LKĐV cuối kỳ 6. Tổng số đại lý đang hoạt động cuối kỳ				
<b>VII. Phân tích lựa chọn quỹ (% phí bảo hiểm)</b> 1. Quỹ Cổ phiếu 2. Quỹ Trái phiếu 3. Quỹ Tiền tệ 4. Quỹ Tăng trưởng 5. Quỹ ổn định, cân bằng 6. Quỹ mạo hiểm ...	%			
<b>VIII. Dao động về giá đơn vị quỹ cuối kỳ</b> 1. Quỹ Cổ phiếu 2. Quỹ Trái phiếu 3. Quỹ Tiền tệ 4. Quỹ Tăng trưởng 5. Quỹ ổn định, cân bằng 6. Quỹ mạo hiểm ...	đồng			
<b>IX. Chỉ số VN Index cuối kỳ</b>				
<b>X. Số đơn vị các quỹ và giá trị tài sản ròng</b> 1. Quỹ Cổ phiếu 2. Quỹ Trái phiếu 3. Quỹ Tiền tệ 4. Quỹ Tăng trưởng 5. Quỹ ổn định, cân bằng 6. Quỹ mạo hiểm 7. Tổng giá trị các đơn vị từ quỹ mỗi 8. Tổng giá trị các đơn vị từ chủ hợp đồng	triệu đ triệu đ			
<b>XI. Thống kê số lượng phản hồi của khách hàng</b> 1. Thu phí 2. Dịch vụ đại lý 3. Dịch vụ của Công ty 4. Tư vấn bảo hiểm sai quy định 5. Giá đơn vị quỹ 6. Các vấn đề khác 7. Tổng cộng số trường hợp than phiền				
<b>XII. Thống kê số lượng những vấn đề khách hàng quan tâm:</b> 1. Yêu cầu được đại lý tư vấn 2. Về quyền lợi bảo hiểm 3. Chi phí liên quan đến hợp đồng bảo				

hiểm				
4. Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm				
5. Các loại quỹ đầu tư				
6. Đầu tư thêm				
7. Hoán đổi các quỹ				
8. Điều chỉnh định hướng đầu tư các quỹ				
9. Bán các đơn vị quỹ				
10. Chương trình khuyến mãi				
11. Vấn đề khác				
12. Tổng cộng các trường hợp				

Lưu ý: Đối với các vấn đề khác tại mục XI và XII, doanh nghiệp bảo hiểm liệt kê tóm tắt nội dung phản hồi của khách hàng ở cuối bảng.

Ý kiến đánh giá của chuyên gia tính toán về hoạt động của quỹ, đánh giá mức độ phù hợp giữa tài sản và trách nhiệm của quỹ liên kết đơn vị, kèm theo số liệu chứng minh.

**Chuyên gia tính toán**  
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

... ngày... tháng... năm ...  
**Tổng giám đốc**  
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**PHỤ LỤC V**  
**BÁO CÁO TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ**  
**BẢO HIỂM LIÊN KẾT ĐƠN VỊ**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 135/2012/TT-BTC ngày 15/ 8 /2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn triển khai sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị)*

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm:
- Báo cáo quý (năm):.... từ.... đến.....

*Đơn vị: Triệu đồng*

Chỉ tiêu	Dự phòng đã trích lập đầu kỳ	Dự phòng phải trích lập cuối kỳ	Số dự phòng trích lập trong kỳ
I. Dự phòng toán học			
<i>1. Dự phòng rủi ro bảo hiểm</i> - Sản phẩm 1 ... - Sản phẩm 2... <i>2. Dự phòng nghiệp vụ đối với phân liên kết đơn vị:</i> - Sản phẩm 1 ... - Sản phẩm 2...			
II. Dự phòng bồi thường - Sản phẩm 1 ... - Sản phẩm 2...			
III. Dự phòng bảo đảm khả năng thanh toán bổ sung			
IV. Tổng cộng			

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

**Người lập biểu**  
*(Ký và ghi rõ họ tên)*

**Chuyên gia tính toán**  
*(Ký và ghi rõ họ tên)*

*.... Ngày...tháng....năm*  
**Tổng Giám đốc (Giám đốc)**  
*(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)*



**PHỤ LỤC VI**  
**BẢNG TỶ LỆ HOA HỒNG BẢO HIỂM TỐI ĐA ÁP DỤNG CHO SẢN**  
**PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT ĐƠN VỊ**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 135/2012/TT-BTC ngày 15/8/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn triển khai sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị)*

Đơn vị tính : %

Thời hạn hợp đồng	Tỷ lệ hoa hồng tối đa tính trên phí bảo hiểm			
	Phương thức nộp phí bảo hiểm định kỳ			Phương thức nộp phí 1 lần và phí đóng thêm
	Năm hợp đồng thứ nhất	Năm hợp đồng thứ hai	Các năm hợp đồng tiếp theo	
Từ 10 năm trở lên	40	10	10	7